

Bản án số: 114/2019/HSST

Ngày 03/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Liệt
2. Ông Vũ Xuân Miện

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 100/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2019, đối với bị cáo:

ĐẶNG THỊ NGỌC D, sinh năm 1983 tại Bà Rịa- Vũng Tàu.

HKTT và chỗ ở: 418 Đường S, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Đặng Văn X, sinh năm 1958; con bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1961; có 02 chị em, bị cáo là con lớn; chồng là Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1979; có 01 con sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình “Bảo lãnh”, hiện trú tại số 418 Đường S, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Phòng 509 Chung cư số 1 Đường G, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

***Người làm chứng:** Ông Đoàn Huy Q, sinh năm 1983 (Trưởng Văn phòng công chứng E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu - vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 03 năm 2018, Đặng Thị Ngọc D thấy thông tin làm giả giấy tờ trên mạng xã hội Facebook nên đã liên hệ với tài khoản Facebook qua hệ thống tin nhắn Messenger (hiện D không còn nhớ thông tin về tài khoản này và tin nhắn Messenger hiện không còn lưu giữ trong điện thoại cá nhân của D) và cung

cấp hình ảnh bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác liên với đất số BH 278992 do UBND thành phố V cấp ngày 25/11/2011 đứng tên Đặng Thị Ngọc D cùng sử dụng đất với người khác để làm giả 01 bản có nội dung tương tự. Theo thỏa thuận, D phải trả số tiền phí dịch vụ làm giả giấy tờ là 3.500.000đồng. Cũng trong tháng 3 năm 2018, D đã nhận được giấy tờ giả và trả tiền dịch vụ làm giả thông qua xe Hoa Mai vận chuyển (D khai nhận không nhớ về tài xế, biển số xe Hoa Mai trên). D lưu giữ giấy tờ giả trên tại nhà.

Đến đầu tháng 5 năm 2018, D cần tiền tiêu xài nên đã liên hệ với ông Nguyễn Văn N để hỏi mượn số tiền 150.000.000đồng. Ngày 18/5/2018, D và ông N hẹn gặp nhau tại quán cà phê trên đường N, thành phố V để viết “Giấy mượn tiền”. Tại đây, D viết 01 giấy mượn tiền thể hiện nội dung: D mượn của ông N số tiền 150.000.000đồng và thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất số BH278992 (mang tên Đặng Thị Ngọc D cùng sử dụng đất với người khác), cam kết trong thời hạn 06 tháng sẽ hoàn trả số tiền trên. Sau khi viết Giấy mượn tiền, D ký tên rồi đưa cho ông N giữ (một bản duy nhất).

Khoảng hai ngày sau (ngày 20/5/2018), như đã thỏa thuận vay mượn tiền giữa hai bên, ông N đã đưa cho D số tiền 150.000.000đồng. Theo ông N trình bày: Việc cho D mượn tiền là muốn giúp đỡ D vì ông N và D quen biết nhau từ trước, có mối quan hệ đồng hương, việc D có thể chấp hay không thể chấp giấy tờ đất thì ông N vẫn đồng ý cho D mượn tiền. Ông N yêu cầu D thế chấp giấy tờ đất khi mượn tiền là để củng cố niềm tin. Khoảng 02 ngày sau (ngày 22/5/2018), D gặp và đưa cho ông N 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác liên với đất số BH 278992.

Đến ngày 30/5/2018, ông N yêu cầu D tới Phòng công chứng E, Thành phố V để làm thủ tục ủy quyền cho ông N được quyền sử dụng miếng đất của D trong trường hợp quá hạn 06 tháng kể từ ngày 18/5/2018 mà D không trả được 150.000.000đồng cho ông N. Khi D và ông N đến phòng công chứng làm thủ tục công chứng thì Phòng công chứng phát hiện giấy tờ đất số BH278992 là giấy tờ giả nên đã mời về Cơ quan điều tra làm việc.

Tại cơ quan điều tra, D khai nhận hành vi phạm tội của mình. Do lo sợ ông N sử dụng Giấy tờ đất số BH 278992 bản gốc đi cầm cố, làm mất nên đã đưa bản giả cho ông N.

Đến ngày 04/6/2018, D đã tự nguyện giao nộp số tiền 150.000.000đồng trả lại cho ông Nguyễn Văn N. Ông N có đơn đề nghị không xử lý hình sự vụ việc và đã nhận lại số tiền 150.000.000đồng.

Theo Kết luận giám định số 349/PC54-Đ3 ngày 14/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xác định: Giấy tờ đất số BH278992 (mang tên Đặng Thị Ngọc D cùng sử dụng đất với người khác) mà D giao cho ông N là giấy tờ giả.

Đối với đối tượng làm giả giấy tờ đất cho Đặng Thị Ngọc D, không rõ lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để khởi tố, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý sau.

Tại Bản cáo trạng số 95/CT-VKSTPV ngày 02/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố Đặng Thị Ngọc D về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

* Bị cáo Đặng Thị Ngọc D đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố với bị cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015; đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Thị Ngọc D hình phạt chính là phạt tiền, mức hình phạt từ 30 (ba mươi) đến 40 (bốn mươi) triệu đồng về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Đề nghị tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại di động Oppo màu đồng cũ, số Imei (1): 866566031495735; Imei (2): 866566031495727 là phương tiện hỗ trợ hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với đối tượng làm giả giấy tờ đất cho Đặng Thị Ngọc D, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý sau.

Lời nói sau cùng: Bị cáo hối hận, ăn năn về những hành vi phạm tội mình đã làm. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Vào khoảng đầu tháng 3/2018, thông qua mạng facebook Đặng Thị Ngọc D đã đặt làm giả 01 giấy tờ đất kí hiệu BH278992 của chính bị cáo Đặng Thị Ngọc D đang có, giấy tờ đất này bị cáo cùng đứng tên sử dụng đất với người khác. Theo thỏa thuận: bị cáo cung cấp hình ảnh bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác liên với đất số BH 278992 do UBND thành phố Vũng Tàu cấp ngày 25/11/2011 đứng tên Đặng Thị Ngọc D cùng sử dụng đất với người khác cho người làm giấy tờ giả, trong thời gian ngắn sẽ nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và trả tiền làm giấy giả là 3.500.000 đồng.

Sau đó, do cần tiền tiêu xài D đã vay của người quen là ông Nguyễn Văn N số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) vào ngày 20/5/2018. Sau khi vay được tiền, D đưa cho ông N Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên thế chấp, làm tin cho ông N. Đến ngày 30/5/2018, D và ông N đến Phòng công chứng E để làm thủ tục công nhận thế chấp dưới hình thức “Ủy quyền” nhưng đã bị Phòng công chứng phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả.

Hành vi mà bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” được theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự 2015 như Viện kiểm sát đã truy tố.

[3] Về tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra là nguy hiểm, bị cáo hoàn toàn nhận thức rõ hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức nhà nước là vi phạm pháp luật nhưng vẫn làm. Hành vi của bị cáo ngoài xâm phạm trật tự quản lý hành chính của cơ quan, nhà nước; còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải tuyên mức hình phạt phù hợp, tương xứng với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội nhằm cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo, đồng thời bảo đảm răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Xem xét đánh giá về mục đích sử dụng tài liệu giả của bị cáo thì thấy: Có dấu hiệu gian dối trong hành vi của bị cáo về việc dùng tài liệu giả là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạo lòng tin để vay mượn tiền ông N. Tuy nhiên, theo ông N, theo chứng cứ thể hiện, do là chỗ quen thân nên khi bị cáo chưa đưa bất cứ tài sản, tài liệu nào để bảo đảm cho khoản vay, ông N đã cho bị cáo vay 150.000.000đồng và điều kiện phải có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải điều kiện bắt buộc của ông N đối với bị cáo, Ngay sau khi biết giấy tờ là giả, bị cáo đã khắc phục hoàn toàn, trả đủ tiền cho ông N, ông N không yêu cầu gì đối với bị cáo. Xét hành vi của bị cáo đã chuyển hóa không còn nguy hiểm cho xã hội nữa, nên việc không xem xét trách nhiệm hình sự đối với hành vi này của bị cáo là có căn cứ.

Đối với đối tượng làm giả giấy tờ đất cho Đặng Thị Ngọc D, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý sau.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Giảm nhẹ: Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đặng Thị Ngọc D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ông N là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đề nghị không xem xét xử lý về hình sự, không yêu cầu gì đối với bị cáo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, từ đó vận dụng điểm a khoản 1 Điều 35 để áp dụng loại hình phạt cho bị cáo là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Nhật đã nhận lại số tiền 150.000.000đồng, không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác liên với đất giả số BH 278992 có trong hồ sơ, tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ làm vật chứng vụ án.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đồng cũ, số Imei (1) 866566031495735; Imei (2): 866566031495727, Hội đồng xét xử xác định đây là phương tiện hỗ trợ cho bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, là vật chứng nên tịch thu sung công quỹ Nhà Nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Thị Ngọc D phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Đặng Thị Ngọc D **30 (ba mươi) triệu đồng**.

2. Trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác liên với đất giả số BH 278992 tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ làm vật chứng vụ án.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà Nước 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đồng cũ, số Imei (1) 866566031495735; Imei (2): 866566031495727.

Thực hiện thi hành án theo Biên bản giao nhận vật chứng số 126/BB.THA ngày 14/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố V.

4. Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND Thành phố V;
- Công an Thành phố V;
- Chi cục THADS Thành phố V;
- Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Huyền